

Số: **2092**/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **23** tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ số: 2405/QĐ-BKHCN ngày 24/8/2018, 2306/QĐ-BKHCN ngày 16/8/2018, 2138/QĐ-BKHCN ngày 01/8/2018, 1667/QĐ-BKHCN ngày 18/6/2018, 1662/QĐ-BKHCN ngày 15/6/2018, 1573/QĐ-BKHCN ngày 08/6/2018, 3675/QĐ-BKHCN ngày 25/12/2017, 2084/QĐ-BKHCN ngày 04/8/2017, 1972/QĐ-BKHCN ngày 27/7/2017, 1826/QĐ-BKHCN ngày 10/7/2017, 819/QĐ-BKHCN ngày 17/4/2017, 811/QĐ-BKHCN ngày 14/4/2017, 688/QĐ-BKHCN ngày 04/4/2017, 142/QĐ-BKHCN ngày 25/01/2016, 4098/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2015, 3592/QĐ-BKHCN ngày 10/12/2015, 2776/QĐ-BKHCN ngày 12/10/2015, 1490/QĐ-BKHCN ngày 18/6/2015, 1482/QĐ-BKHCN ngày 17/6/2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 980/TTr-SKHCN ngày 29/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi.

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xây dựng nội dung cụ thể từng thủ tục hành chính được công bố và niêm yết công khai đầy đủ Danh mục, nội dung thủ tục hành chính; gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi để thiết lập lên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh; thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật.

2. Văn phòng UBND tỉnh đăng nhập các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và kiểm soát việc giải quyết thủ tục hành chính nêu trên theo quy định pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố chuẩn hóa bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- VNPT Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, HCC, CBTH;
- Lưu: VT, KSTTHC_(latin80).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Trường Thọ



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT

ĐƠN VỊ SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

được ban hành kèm theo Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 23/11/2018

của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng					
1	Công bố sử dụng dấu định lượng	05 ngày làm việc sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng, số 157 Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Không	- Luật Đo lường ngày 11/11/2011; - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 17/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đo lường; - Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.
2	Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	05 ngày làm việc sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ		Không	
3	Đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của	Hoàn thành việc kiểm tra và ra thông báo kết quả		Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hàng đóng gói sẵn nhập khẩu	kiểm tra nhà nước về đo lường: 10 ngày làm việc.			- Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về đo lường.
4	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	03 ngày làm việc		Lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn: 150.000 đồng/giấy	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;
5	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	03 ngày làm việc		Lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn: 150.000 đồng/giấy	- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
6	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	04 ngày làm việc		Lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn: 150.000 đồng/giấy	- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất
7	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường	05 ngày làm việc		Lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn: 150.000 đồng/giấy	- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<p>được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành</p>				<p>lượng sản phẩm, hàng hóa;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 67/2009/NĐ-CP ngày 03/8/2009 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.
8	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ	01 ngày làm việc		Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP.
9	Đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia	Hàng năm (cụ thể trong nội dung chi tiết của thủ tục)		Theo Công văn thông báo tham dự GTCLQG hằng năm của Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 67/2009/NĐ-CP; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.
10	Cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận		Không	- Luật Hóa chất ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	các chất ôxy hóa, các hợp chất ôxit hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	được hồ sơ			21/11/2007; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa;
11	Cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ		Không	- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; - Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đường sắt;
12	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ôxit hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	02 ngày làm việc		Không	- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa;</p> <p>- Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
13	Chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 30 ngày làm việc, Chi cục ra quyết định thành lập đoàn đánh giá tại cơ sở và tiến hành đánh giá theo quy định. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đánh giá hợp lệ, Chi cục cấp giấy chứng nhận 		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đo lường ngày 11/11/2011; - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN.
II Lĩnh vực sở hữu trí tuệ					
14	Cấp giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	22 ngày	Sở Khoa học và Công nghệ, số 202A Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp: 300.000 đồng. - Lệ phí công bố quyết định ghi nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng. - Lệ phí đăng bạ tổ chức giám định sở hữu công 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
15	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	15 ngày		nghiệp: 150.000 đồng. - Lệ phí công bố quyết định ghi nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng. - Lệ phí đăng bạ tổ chức giám định sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng.	điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN ngày 25/02/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc cấp, thu hồi thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp; - Thông tư số 04/2012/TT-BKHCN ngày 13/02/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN ngày 25/02/2008 hướng dẫn việc cấp, thu hồi thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 04/2009/TT-BKHCN ngày 27/3/2009 và Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp.
16	Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	- Trình Chủ tịch UBND tỉnh thành lập tổ chức họp hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện dự án: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản mở hồ sơ; - Trình Chủ tịch UBND tỉnh thành lập và tổ chức họp Tổ thẩm định dự		Không	- Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ; - Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>toán kinh phí dự án: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hiệu chỉnh;</p> <p>- Trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án địa phương quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định;</p> <p>- Công bố kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp dự án: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch UBND cấp tỉnh</p>			<p>nước;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BKHHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		phê duyệt.			
17	Đề nghị thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi thời gian thực hiện dự án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức chủ trì dự án; - Các thay đổi, điều chỉnh khác: Trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ hợp lệ. 		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN.
18	Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ hợp lệ. - Xem xét, ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng thực hiện dự 		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN; - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		án: Sau khi tổ chức kiểm tra, đánh giá hồ sơ và hiện trường.			
19	Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo cho tổ chức chủ trì tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ; - Tổ chức chủ trì dự án bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ; - Thành lập hội đồng: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ 		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN; - Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; - Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án hợp lệ;</p> <p>- Tổ chức họp hội đồng: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định thành lập hội đồng;</p> <p>- Trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện dự án: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các tài liệu công nhận kết quả thực hiện dự án.</p>			<p>dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN.</p>
III	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân				
20	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ, số 202A	<p>1. Mức thu phí thẩm định:</p> <p>- Thiết bị X-quang chụp rỗng: 2.000.000 VNĐ/1 thiết bị.</p>	<p>- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008;</p> <p>- Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 của</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Trường Chính, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000 VNĐ/1 thiết bị. - Thiết bị X-quang di động: 2.000.000 VNĐ/1 thiết bị. - Thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường: 3.000.000 VNĐ/1 thiết bị. - Thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000 VNĐ/1 thiết bị. - Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 5.000.000 VNĐ/1 thiết bị. - Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 VNĐ/1 thiết bị. - Hệ thiết bị PET/CT: 16.000.000 VNĐ/1 hệ thiết bị. 2. Lệ phí cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ: Không.	Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về việc khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
21	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày làm việc		Không	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008; - Thông tư số 08/2010/TT-BKHHCN; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC.
22	Sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày làm việc		Không	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008; - Thông tư số 08/2010/TT-BKHHCN; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC.
23	Giã hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		1. Mức thu phí thẩm định: - Thiết bị X-quang chụp răng: 1.500.000 VNĐ/1 thiết bị. - Thiết bị X-quang chụp vú: 1.500.000 VNĐ/1 thiết bị. - Thiết bị X-quang di động: 1.500.000 VNĐ/1 thiết bị. - Thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường: 2.250.000 VNĐ/1 thiết bị.	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008; - Thông tư số 08/2010/TT-BKHHCN; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị đo mật độ xương: 2.250.000 VNĐ/1 thiết bị. - Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 3.750.000 VNĐ/1 thiết bị. - Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 6.000.000 VNĐ/1 thiết bị. - Hệ thiết bị PET/CT: 12.000.000 VNĐ/1 hệ thiết bị. - Phí thẩm định thu bằng 75% mức thu phí thẩm định an toàn bức xạ cấp giấy phép mới. 2. Lệ phí cấp giấy gia hạn giấy phép: Không. 	
24	Cấp giấy xác nhận khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	05 ngày làm việc		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008; - Nghị định số 07/2010/NP-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN.
25	Cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	07 ngày làm việc		Lệ phí: 200.000 đồng.	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008; - Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC.
26	Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	07 ngày làm việc		Phí thẩm định: - Thẩm định để phê duyệt đối với Kế hoạch thuộc nhóm nguy cơ I, II và III và Cơ sở tiên hành công việc bức xạ sử dụng nguồn phóng xạ trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp: 5.000.000 đồng/01 bản kế hoạch. - Thẩm định để phê duyệt đối với Kế hoạch nhóm nguy cơ IV - Cơ sở tiên hành công việc bức xạ sử dụng nguồn phóng xạ thuộc nhóm 2 (trừ nguồn phóng xạ trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp),	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008; - Thông tư số 25/2014/TT-BKHCN ngày 08/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc chuẩn bị ứng phó và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân; - Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				nhóm 3, nhóm 4: 2.000.000 đồng/01 bản kế hoạch. - Thẩm định để phê duyệt đối với Kế hoạch nhóm nguy cơ IV - Cơ sở tiến hành công việc bức xạ sử dụng nguồn phóng xạ thuộc nhóm 5: 500.000đồng/01 bản kế hoạch.	
IV Lĩnh vực công nghệ					
27	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; -Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc;	Sở Khoa học và Công nghệ, số 202A Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<ul style="list-style-type: none"> - Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng. 			
28	<p>Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc; - Phê duyệt kết quả nghiên cứu 		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		khoa học và phát triển công nghệ để xem xét hỗ trợ kinh phí, mua: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.			
29	Mua sáng chế, sáng kiến	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc; - Phê duyệt sáng chế, sáng kiến để xem xét mua: 07 		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng			
30	Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	<p>- Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.</p> <p>- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được</p>		Không	<p>- Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;</p> <p>- Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017;</p> <p>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN;</p> <p>- Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		hỗ trợ.			
31	Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ. - Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ. 		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013; - Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN; - Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN.
32	Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ	- Phê duyệt nhiệm		Không	- Luật Khoa học và công nghệ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	<p>vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.</p> <p>- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.</p>			<p>ngày 18/6/2013;</p> <p>- Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017;</p> <p>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 quy định trình tự thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước</p> <p>- Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN.</p>
33	Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để	- Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm		Không	<p>- Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;</p> <p>- Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ. - Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.			- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN; - Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN.
34	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày làm việc		Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ	- Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	đồng chuyển giao công nghệ.
35	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày làm việc		Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.	
36	Thẩm định công nghệ của dự án đầu tư	15 ngày đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư hoặc 10 ngày đối với dự án thuộc diện cấp giấy chứng nhận đầu tư kể từ ngày nhận		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013; - Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; - Thông tư số 03/2016/TT-BKHCN ngày 30/3/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thực hiện thẩm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		đủ hồ sơ hợp lệ			định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư.
V Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ					
37	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ, số 202A Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước. - Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BKHCN-BTC ngày 17/12/2014 quy định việc định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ sử dụng ngân sách nhà nước.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
38	Xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	<p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh xem xét hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân nếu hồ sơ không hợp lệ, cần bổ sung hoặc sửa đổi;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân trong đó xác định rõ danh mục hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo</p>		Không	<p>- Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 06/4/2016;</p> <p>- Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;</p> <p>- Thông tư số 14/2017/TT-BKHCN ngày 01/12/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tiêu chí xác định phương tiện vận tải; máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng và danh mục tài liệu, sách báo, tạp chí khoa học quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;</p> <p>- Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản nêu rõ lý do;</p> <p>Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân về việc gia hạn thời gian trả lời trong trường hợp phải thẩm tra hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh tổ chức hội đồng để thẩm tra hồ sơ trước khi có văn bản trả lời. Thời gian thẩm tra và trả lời không</p>			<p>dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản nêu rõ lý do.			
39	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp	20 ngày		Không	- Luật Giám định tư pháp số ngày 20/6/2012; - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;
40	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	10 ngày		Không	- Thông tư số 35/2014/TT-BKHCN ngày 11/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về giám định tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ.
41	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	15 ngày làm việc		Phí thẩm định để cấp lần đầu về điều kiện hoạt động khoa học và công nghệ: 3.000.000 đồng.	- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
42	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc		Phí thẩm định đối với các thay đổi khác: 1.000.000 đồng.	- Quyết định số 97/2009/QĐ-TTg ngày 24/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục các lĩnh vực cá nhân được thành lập tổ chức khoa học và công nghệ;
43	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc		<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký thay đổi tên của tổ chức KH&CN: 1.000.000 đồng. - Trường hợp đăng ký thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập hoặc cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức KH&CN: 1.000.000 đồng. - Trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức KH&CN: 1.500.000 đồng. - Trường hợp đăng ký thay đổi vốn của tổ chức KH&CN: 1.500.000 đồng. - Trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu của tổ chức KH&CN: 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				1.000.000 đồng. - Trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động KH&CN của tổ chức KH&CN: 2.000.000 đồng.	
44	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho Văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	15 ngày		Phí thẩm định để cấp lần đầu: 3.000.000 đồng/lần.	
45	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày		Phí thẩm định đối với các thay đổi: 1.000.000 đồng/lần.	
46	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc		- Trường hợp đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng. - Trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.500.000 đồng. - Trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng.</p> <p>- Trường hợp đăng ký thay đổi thông tin của tổ chức khoa học công nghệ ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng.</p> <p>- Trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của văn phòng đại diện, chi nhánh: 2.000.000 đồng.</p>	
47	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Không	<p>- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;</p> <p>- Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ</p>
48	Cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
49	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	<p>công lập;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 18/6/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 của Chính phủ về Doanh nghiệp Khoa học và công nghệ; - Thông tư liên tịch 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 10/9/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 18/6/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 của Chính phủ về Doanh nghiệp Khoa học và công nghệ.
50	Đặt và tặng giải thưởng về	25 ngày làm việc		Không	- Luật Khoa học và Công nghệ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam				<p>ngày 18/6/2013;</p> <p>- Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ về giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ;</p> <p>- Thông tư số 31/2014/TT-BKHCN ngày 06/11/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định một số điều của Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ về giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ.</p>
51	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	<p>- Đối với trường hợp đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>- Đối với trường</p>		<p>Lệ phí: Không.</p> <p>(Lưu ý: Kinh phí đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ do tổ chức, cá nhân đề nghị bảo đảm và chi trả)</p>	<p>- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;</p> <p>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>hợp không phải là đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ: 45 ngày làm việc làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>			<p>sử dụng ngân sách nhà nước.</p>
52	<p>Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người</p>	<p>45 ngày làm việc làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>		<p>Lệ phí: Không. <i>(Lưu ý: Kinh phí đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ do tổ chức, cá nhân đề nghị bảo đảm và chi trả)</i></p>	
53	<p>Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức</p>	<p>45 ngày làm việc làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>		<p>Lệ phí: Không. <i>(Lưu ý: Kinh phí đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ do tổ chức, cá nhân đề nghị bảo đảm và chi trả)</i></p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	khỏe con người				
54	Đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Tổng thời gian giải quyết 215 ngày làm việc (cụ thể trong nội dung chi tiết của thủ tục)		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN; - Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
55	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	04 ngày làm việc		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học công nghệ.
56	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và	10 ngày làm việc		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và công nghệ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước				ngày 18/6/2013;
57	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	05 ngày làm việc		Không	- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP; - Thông tư số Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
58	Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	<p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng trên cổng thông tin điện tử của tỉnh để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.</p> <p>- Trong thời hạn</p>		Không	<p>- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;</p> <p>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN;</p> <p>- Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng, thông báo công khai kết quả xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với những đề xuất đặt hàng không được phê duyệt trên cổng thông tin điện tử của tỉnh để các tổ chức và cá nhân biết.			
VI Lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo					
59	Giải quyết khiếu nại lần đầu	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn	Sở Khoa học và Công nghệ, số 202A Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khiếu nại; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết	Quảng Ngãi		Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.
60	Giải quyết khiếu nại lần hai	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.		Không	
61	Tiếp công dân	Cho đến khi kết thúc việc tiếp công dân.		Không	- Luật Tiếp công dân ngày 25/11/2013; - Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; - Luật Tố cáo ngày 11/11/2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.
62	Xử lý đơn thư	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tiếp công dân ngày 25/11/2013; - Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; - Luật Tố cáo ngày 11/11/2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2014/TT-TTCP.